

TỔNG HỢP SINH VIÊN HỆ TT23 NỢ HỌC PHÍ

(Thời gian: Tính đến 28/12/2020)

| TT | Mã SV | Họ và tên | Mã lớp | Nợ từ các kỳ trước | Phải nộp K1/20-21 | Đã nộp | Chưa nộp đến 28/12/2020 |
|----|----------|--------------------|-------------|--------------------|-------------------|------------|-------------------------|
| 1 | 16020039 | Nguyễn Thành Đạt | K61KHMT-CLC | 89,250,000 | 0 | 0 | 89,250,000 |
| 2 | 16020133 | Trần Huy Hoàng | K61ĐTVT-CLC | 0 | 2,100,000 | 0 | 2,100,000 |
| 3 | 16020156 | Lê Phong | K61ĐTVT-CLC | 0 | 6,300,000 | 0 | 6,300,000 |
| 4 | 16020157 | Vũ Tuấn Phúc | K61ĐTVT-CLC | 0 | 7,000,000 | 0 | 7,000,000 |
| 5 | 16020185 | Lê Thành Vinh | K61ĐTVT-CLC | 0 | 4,200,000 | 0 | 4,200,000 |
| 6 | 16020209 | Phạm Văn Đại | K61KHMT-CLC | 14,250,000 | 0 | 0 | 14,250,000 |
| 7 | 16020213 | Trần Vũ Đức | K61KHMT-CLC | 0 | 13,300,000 | 0 | 13,300,000 |
| 8 | 16020245 | Trịnh Thị Lan | K61KHMT-CLC | 31,350,000 | 0 | 0 | 31,350,000 |
| 9 | 16020250 | Lê Tuấn Long | K61KHMT-CLC | 74,250,000 | 0 | 0 | 74,250,000 |
| 10 | 16020298 | Nguyễn Quốc Việt | K61KHMT-CLC | 74,250,000 | 0 | 0 | 74,250,000 |
| 11 | 16022491 | Hoàng Tuấn Anh | K61KHMT-CLC | 54,050,000 | 15,000,000 | 0 | 69,050,000 |
| 12 | 17020174 | Nguyễn Thế Duyệt | K62KHMT-CLC | 29,250,000 | 15,000,000 | 0 | 44,250,000 |
| 13 | 17020488 | Nguyễn Thanh Bình | K62KTĐT-CLC | 29,250,000 | 15,000,000 | 0 | 44,250,000 |
| 14 | 17020509 | Nguyễn Lê Hoàng | K62KTĐT-CLC | 0 | 16,681,610 | 16,680,000 | 1,610 |
| 15 | 17020543 | Nguyễn Huy Toàn | K62KTĐT-CLC | 14,250,000 | 15,000,000 | 0 | 29,250,000 |
| 16 | 17020545 | Trần Lưu Tôn | K62KTĐT-CLC | 29,253,000 | 15,281,610 | 281,610 | 44,253,000 |
| 17 | 17020548 | Nguyễn Thành Trung | K62KTĐT-CLC | 59,250,000 | 15,000,000 | 0 | 74,250,000 |
| 18 | 17020551 | Quách Văn Tuấn | K62KTĐT-CLC | 29,250,000 | 15,281,610 | 281,610 | 44,250,000 |
| 19 | 17021204 | Nguyễn Việt An | K62KHMT-CLC | 49,150,000 | 15,281,610 | 281,610 | 64,150,000 |
| 20 | 17021274 | Nguyễn Duy Khánh | K62KHMT-CLC | 59,250,000 | 15,000,000 | 0 | 74,250,000 |
| 21 | 17021279 | Lê Cao Tùng Lâm | K62KHMT-CLC | 0 | 15,281,610 | 15,281,600 | 10 |
| 22 | 17021290 | Nguyễn Thành Lộc | K62KHMT-CLC | 29,250,000 | 15,000,000 | 29,250,000 | 15,000,000 |
| 23 | 17021307 | Phạm Đình Nam | K62KHMT-CLC | 0 | 26,481,610 | 281,610 | 26,200,000 |
| 24 | 17021331 | Trần Lê Hoàng Sơn | K62KHMT-CLC | 0 | 15,000,000 | 0 | 15,000,000 |
| 25 | 18020026 | Trần Trung Kiên | K63KHMT-CLC | 0 | 12,213,220 | 12,212,120 | 1,100 |
| 26 | 18020107 | Nguyễn Trường An | K63KHMT-CLC | 64,016,775 | 17,500,000 | 0 | 81,516,775 |
| 27 | 18020109 | Nguyễn Trường An | K63ĐTVT-CLC | 0 | 18,063,220 | 570,000 | 17,493,220 |
| 28 | 18020190 | Hoàng Đình Bách | K63ĐTVT-CLC | 51,516,775 | 17,500,000 | 0 | 69,016,775 |
| 29 | 18020225 | Vũ Minh Chiến | K63ĐTVT-CLC | 51,516,775 | 17,500,000 | 0 | 69,016,775 |
| 30 | 18020231 | Trần Công Chiến | K63KHMT-CLC | 0 | 18,063,220 | 563,220 | 17,500,000 |
| 31 | 18020436 | Dương Thị Hà | K63ĐTVT-CLC | 64,016,775 | 18,063,220 | 563,220 | 81,516,775 |
| 32 | 18020475 | Trần Minh Hiệp | K63ĐTVT-CLC | 51,516,775 | 17,500,000 | 0 | 69,016,775 |
| 33 | 18020484 | Vũ Chí Hiếu | K63KHMT-CLC | 64,016,775 | 17,500,000 | 0 | 81,516,775 |
| 34 | 18020552 | Nguyễn Minh Hoàng | K63ĐTVT-CLC | 64,016,775 | 17,500,000 | 0 | 81,516,775 |
| 35 | 18020553 | Đặng Huy Hoàng | K63KHMT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 36 | 18020670 | Bùi Đức Khải | K63KHMT-CLC | 0 | 17,500,000 | 0 | 17,500,000 |
| 37 | 18020757 | Nguyễn Phương Liên | K63ĐTVT-CLC | 64,016,775 | 17,500,000 | 0 | 81,516,775 |
| 38 | 18020820 | Đại Đức Long | K63ĐTVT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 39 | 18021077 | Nguyễn Hoàng Sơn | K63KHMT-CLC | 34,125,000 | 17,500,000 | 0 | 51,625,000 |
| 40 | 18021107 | Lê Văn Sỹ | K63KHMT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 41 | 18021162 | Nguyễn Ngọc Thắng | K63KHMT-CLC | 34,016,775 | 17,500,000 | 0 | 51,516,775 |
| 42 | 18021210 | Nguyễn Quang Thiện | K63KHMT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 43 | 18021278 | Trần Sách Tĩnh | K63KHMT-CLC | 16,625,000 | 18,063,220 | 563,220 | 34,125,000 |
| 44 | 19020058 | Bùi Đức Anh | K64CNTT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 45 | 19020068 | Đặng Khánh Vinh | K64CNTT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 46 | 19020099 | Nguyễn Việt Hoàng | K64CNTT-CLC | 16,625,000 | 25,500,000 | 16,625,000 | 25,500,000 |
| 47 | 19020118 | Lê Thu Trà | K64CNTT-CLC | -3,200,000 | 21,263,220 | 563,220 | 17,500,000 |
| 48 | 19020119 | Dương Khánh Vân | K64CNTT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 49 | 19020127 | Chu Việt Hoàng | K64CNTT-CLC | 16,625,000 | 18,063,220 | 563,220 | 34,125,000 |

| TT | Mã SV | Họ và tên | Mã lớp | Nợ từ các kỳ trước | Phải nộp K1/20-21 | Đã nộp | Chưa nộp đến 28/12/2020 |
|----|----------|--------------------|--------------|--------------------|-------------------|------------|-------------------------|
| 50 | 19021065 | Dương Quốc Khánh | K64CNCĐT-CLC | 0 | 17,500,000 | 0 | 17,500,000 |
| 51 | 19021232 | Nguyễn Mạnh Cường | K64CNTT-CLC | 0 | 17,500,000 | 0 | 17,500,000 |
| 52 | 19021277 | Vũ Hồng Hiệu | K64CNTT-CLC | 0 | 17,500,000 | 0 | 17,500,000 |
| 53 | 19021279 | Phạm Ngọc Hoa | K64CNTT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 54 | 19021361 | bàng Ngọc Tân | K64CNTT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 55 | 19021375 | Lê Quang Trung | K64CNTT-CLC | 0 | 17,500,000 | 0 | 17,500,000 |
| 56 | 19021383 | Nguyễn Anh Tuấn | K64CNTT-CLC | -2,400,000 | 19,900,000 | 0 | 17,500,000 |
| 57 | 19021391 | Đàm Thanh Văn | K64CNTT-CLC | 0 | 17,500,000 | 0 | 17,500,000 |
| 58 | 19021402 | Lê Hoàng Anh | K64ĐTVT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 59 | 19021410 | Trần Thị Hải Anh | K64ĐTVT-CLC | 0 | 18,063,220 | 563,220 | 17,500,000 |
| 60 | 19021425 | Vũ Duy Đại | K64ĐTVT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 61 | 19021427 | Lê Hồng Đăng | K64ĐTVT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 62 | 19021465 | Trương Gia Huy | K64ĐTVT-CLC | 0 | 18,063,220 | 563,220 | 17,500,000 |
| 63 | 19021492 | Nguyễn Xuân Nam | K64ĐTVT-CLC | 16,625,000 | 17,500,000 | 0 | 34,125,000 |
| 64 | 20020074 | Nguyễn Đức Anh | K65KHMT(C) | 0 | 18,586,000 | 18,584,900 | 1,100 |
| 65 | 20020311 | Lê Minh Sơn | K65KHMT(C) | 0 | 17,500,000 | 0 | 17,500,000 |
| 66 | 20020356 | Lê Hoàng Đại Dương | K65KHMT(C) | 0 | 18,386,000 | 5,886,000 | 12,500,000 |
| 67 | 20021500 | Phạm Văn Cường | K65ĐTVT(C) | 0 | 18,586,000 | 18,510,000 | 76,000 |
| 68 | 20021556 | Phạm Hải Minh | K65ĐTVT(C) | 0 | 18,586,000 | 18,568,000 | 18,000 |
| 69 | 20021576 | Bùi Ngọc Sơn | K65ĐTVT(C) | 0 | 17,928,000 | 17,270,000 | 658,000 |
| 70 | 20021586 | Vũ Minh Tiến | K65ĐTVT(C) | 0 | 18,586,000 | 18,386,000 | 200,000 |